208 Doanh thu du lịch lữ hành theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế
Turnover of travelling at current prices by types of ownership

	2005	2009	2010	2011
	Triệu đồng - *Mill.dongs*			
TỔNG SỐ - *TOTAL*	**32.399**	**22.121**	**16.769**	**10.382**
Nhà nước - *State*	30.230	4.500	5.460	6.383
Ngoài nhà nước - *Non- State*	2.169	17.621	11.309	3.999
Tập thể - *Collective*	–	–	–	–
Tư nhân - *Private*	2.169	17.621	11.309	3.999
Cá thể - *Household*	–	–	–	–
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài *Foreign invested sector*	–	–	–	–
	Cơ cấu (%) - *Structure (%)*			
TỔNG SỐ - *TOTAL*	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**
Nhà nước - *State*	93,31	20,34	32,56	61,48
Ngoài nhà nước - *Non- State*	6,69	79,66	67,44	38,52
Tập thể - *Collective*	–	–	–	–
Tư nhân - *Private*	6,69	79,66	67,44	38,52
Cá thể - *Household*	–	–	–	–
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài *Foreign invested sector*	–	–	–	–

209 Sô lượt khách du lịch
Number of visitors

	Khách trong nước (Lượt người)	Khách quốc tế (Lượt người)	Số ngày khách do các cơ sở lưu trú phục vụ (Ngày)
2006	363.632	3.193	266.141
2007	372.192	7.060	259.076
2008	826.285	6.232	608.982
2009	681.217	5.317	447.730
2010	970.144	8.177	785.338
2011	871.807	5.863	362.002